

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 143/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 16/8/2024

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Chiểu

2. Ông Trần Văn Phước

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Ngoãn – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà Đoàn Vũ Loan -
Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long
xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 230/2024/TLST - HNGĐ
ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 272/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm
2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Tô Văn C, sinh ngày 04/8/1984; địa chỉ: Ấp M, xã V,
huyện P, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Chị Trần Ngọc N, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P,
tỉnh Bạc Liêu

(Anh Tô Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Trần Ngọc N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Tô Văn C trình bày:

- Về hôn nhân: Anh C và chị Trần Ngọc N kết hôn với nhau vào năm 2010,
hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp
luật. Đã được UBND xã V cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày
19/7/2012. Trong thời gian gần đây cuộc sống vợ chồng giữa anh C và chị N xảy

ra nhiều mâu thuẫn, không hiểu nhau, không thông cảm cho nhau. Hiện nay, anh C nhận thấy đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Trần Ngọc N

- *Về con chung*: Có 01 người con chung là cháu Tô Trần Gia T, sinh ngày 12/6/2012. Khi ly hôn anh C yêu cầu tiếp tục được nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn chị Trần Ngọc N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị N vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Tô Văn C và chị Trần Ngọc N có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa anh C và chị N là hợp pháp. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C, cho anh C ly hôn với chị N

+ Về con chung: Giao con chung tên Tô Trần Gia T, sinh ngày 12/6/2012 cho anh Tô Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị N có, quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

+ Về án phí: Anh Tô Văn C phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Thủ tục tố tụng: Anh Tô Văn C có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con với chị Trần Ngọc N, chị N có địa chỉ cư trú tại huyện P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Chị Trần Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, anh C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh C, chị N là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Tô Văn C và chị Trần Ngọc N sống chung từ năm 2010, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị N là hợp pháp, tuy nhiên trong quá trình sống chung anh C, chị N xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau. Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, sống chung với nhau nhưng anh C, chị N đã sống ly thân, không ai quan tâm vun vén hạnh phúc gia đình. Từ khi sống ly thân đến nay, hai bên không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa anh Tô Văn C và chị Trần Ngọc N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh C, cho anh chi ly hôn với chị N

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 người con chung Tô Trần Gia T, sinh ngày 12/6/2012, hiện nay cháu đang sống chung với anh chị. Khi ly hôn anh C yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Theo khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có ghi nhận ý kiến của cháu T là nguyện vọng của của cháu muốn tiếp tục chung sống với anh C. Xét thấy, từ lúc sống ly thân đến nay, cháu T đều do anh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, được ăn học và tâm sinh lý phát triển tốt. Nhằm đảm bảo không làm xáo trộn đời sống của cháu và anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu T con cho anh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng

Sau khi ly hôn chị Trần Ngọc N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

[5] Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Tô Văn C phải chịu 300.000 đồng, anh C đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí.

Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tô Văn C, cho anh Tô Văn C ly hôn với chị Trần Ngọc N

- *Về con chung*: Giao cháu Tô Trần Gia T1, sinh ngày 12/6/2012 cho anh Tô Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn chị N có, quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

- *Về tài sản chung*: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

- *Về án phí*: Anh Tô Văn C chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), anh C đã nộp số tiền tạm ứng án phí là

300.000 đồng theo biên lai số 0006934 ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phước Long;
- THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã Vĩnh Phú Đông;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Công Luận Dương Thị Tú Phương

Triệu Thanh Liêm

